CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Địa ốc Dầu khí

Ngày 31/12/2025	3,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	54.2%	**37.0%**	**-2.6%**

DT thuần
Q4/25
2.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.90| 1270%
YoY: ▲ 2.03| 10172%

LN thuần
Q4/25
-1.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.47| -2931%
YoY: ▲ 0.42| 23.1%

LN sau thuế
Q4/25
0.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.26| -40.2%
YoY: ▲ 2.23| 121%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-78.7%
YoY: +/-▲ 3341%

ROE
2025
-1.2%
YoY: +/-▲ 9.8%

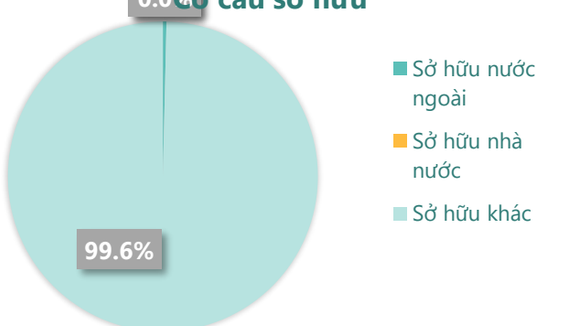
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 4,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	185
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	68,660
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.30
EPS	-36
P/E	-102.6

DT thuần
2025
2.29
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.79| 355%

LN thuần
2025
-4.19
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.9| 75.6%

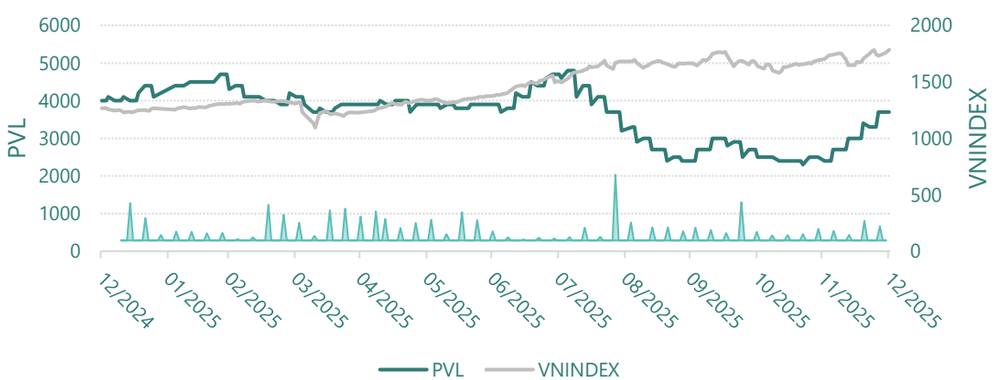
LN sau thuế
2025
-1.80
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.4| 89.5%

Cơ cấu sở hữu

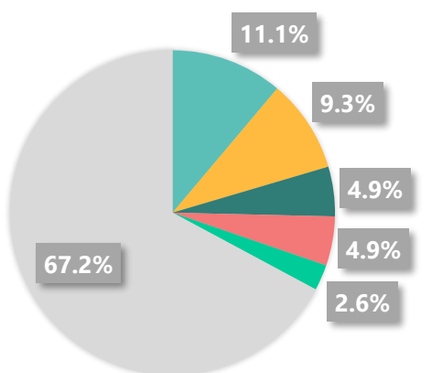


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

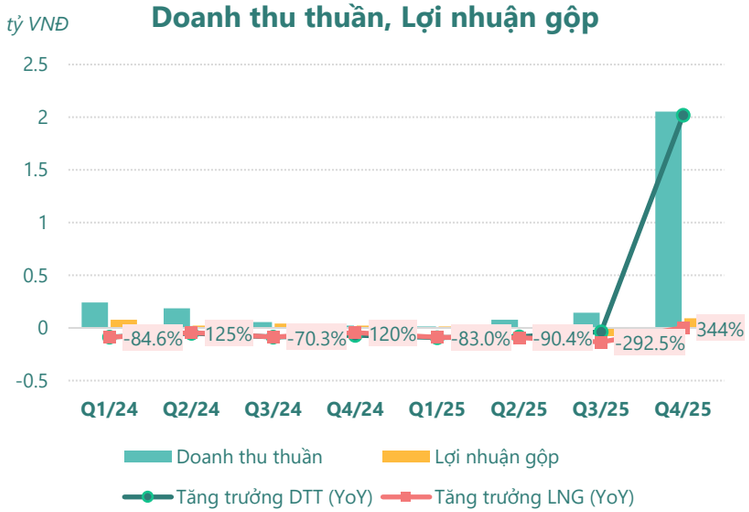


- Trịnh Quốc Khánh (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Việt Dũng (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Việt Nam
- Bạch Đức Huyến (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thế Anh (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

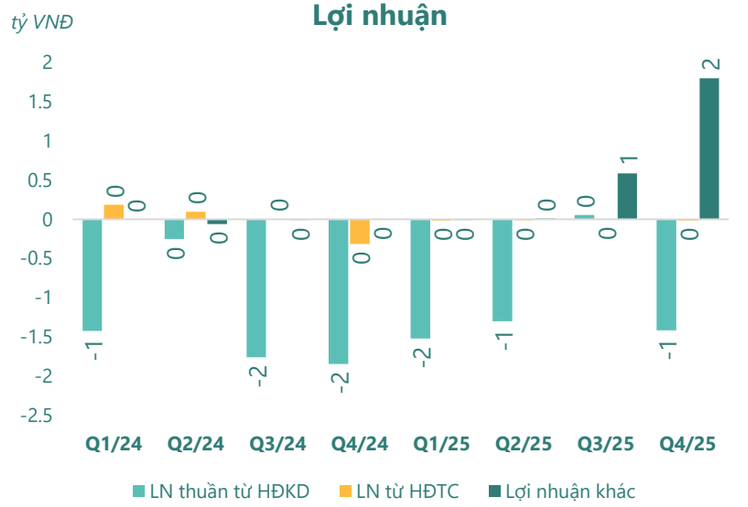
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



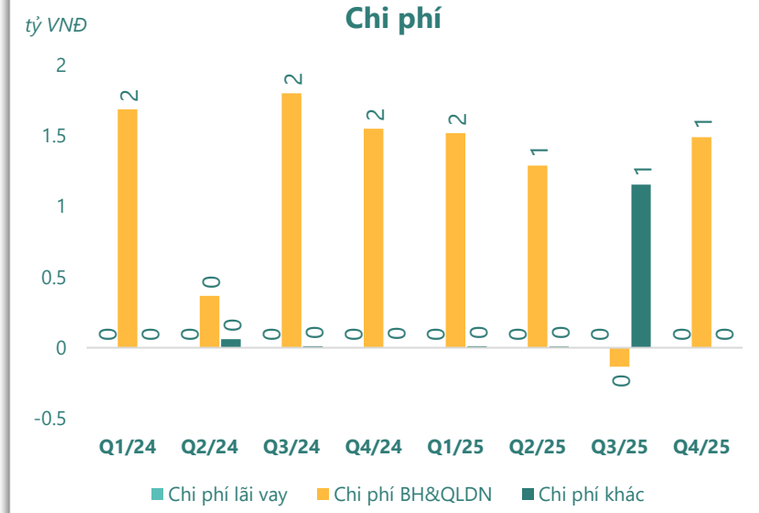
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



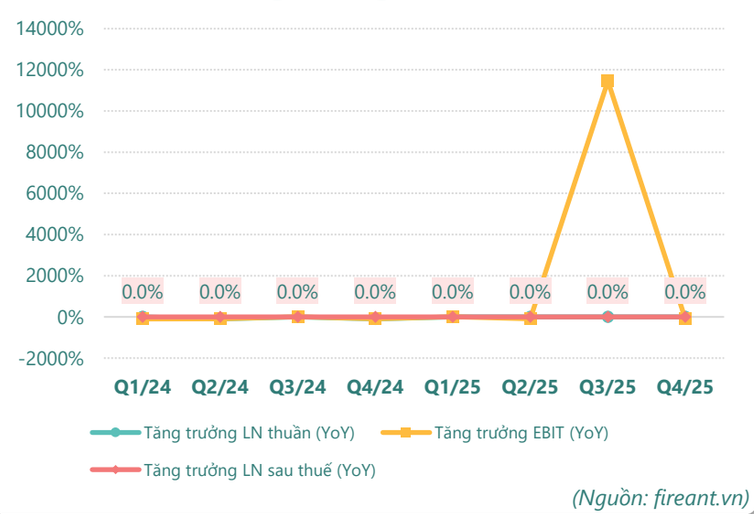
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



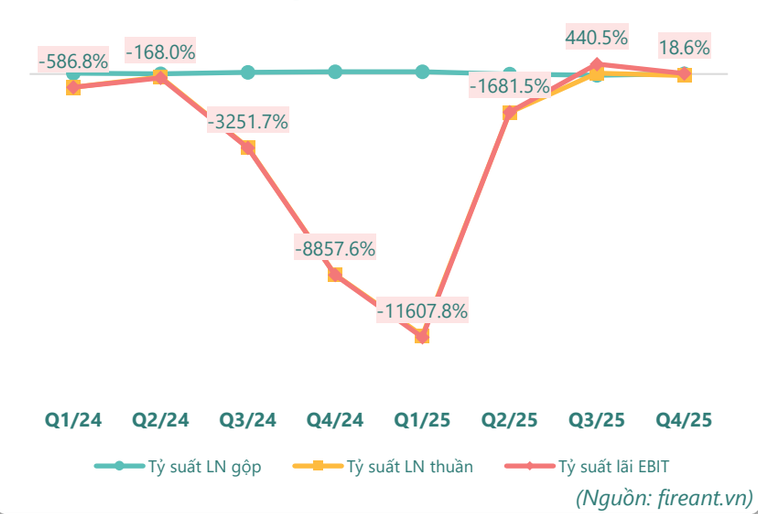
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



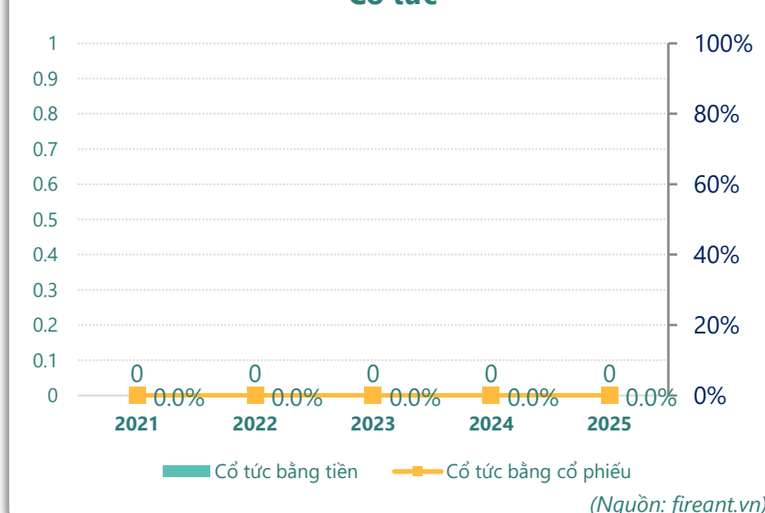
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

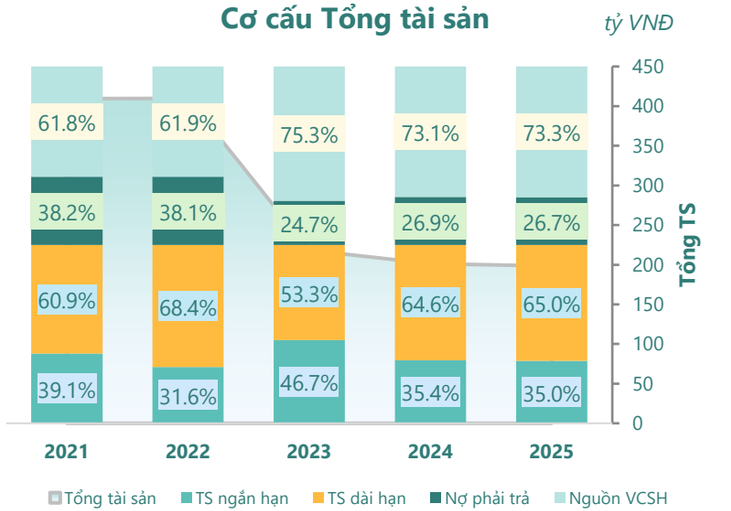
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

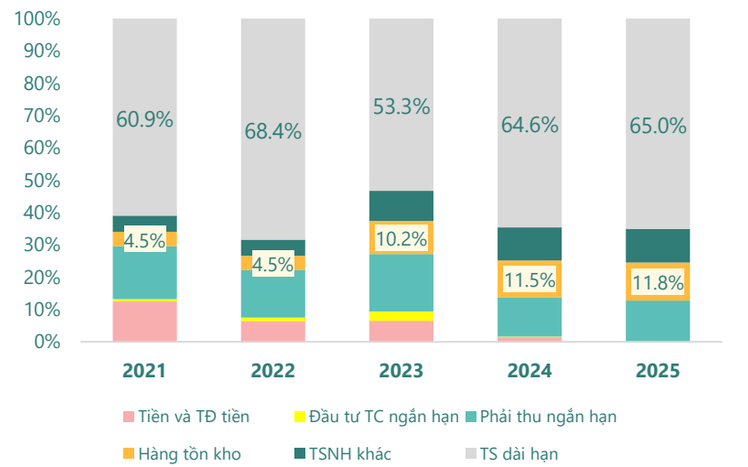
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



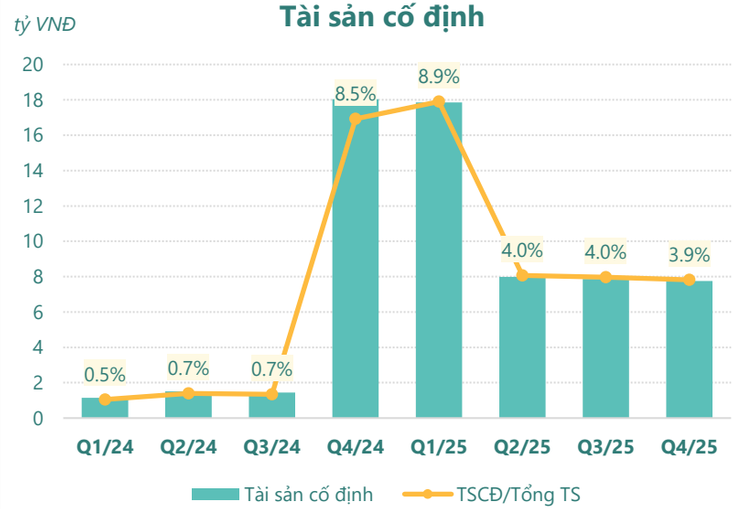
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



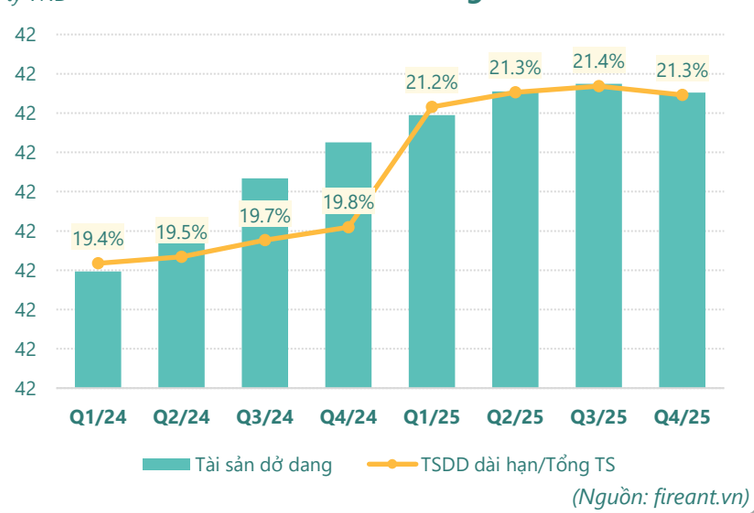
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



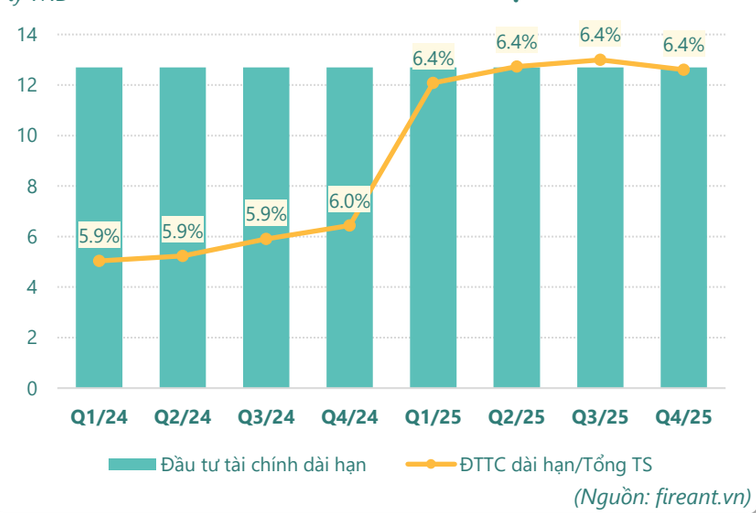
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



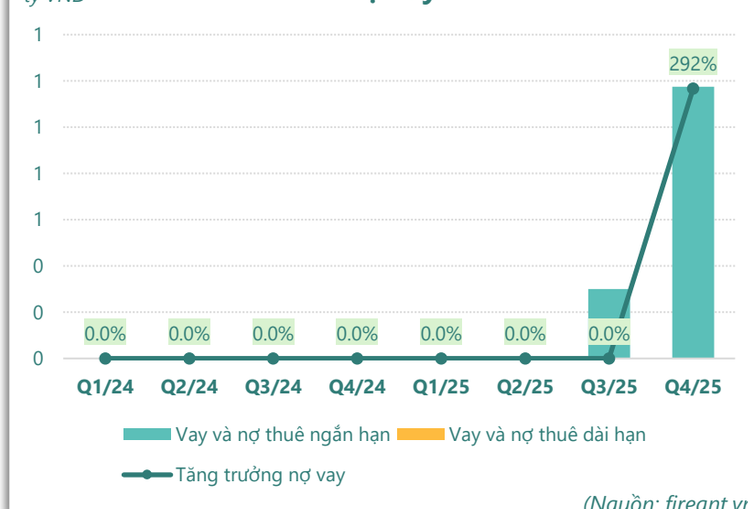
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

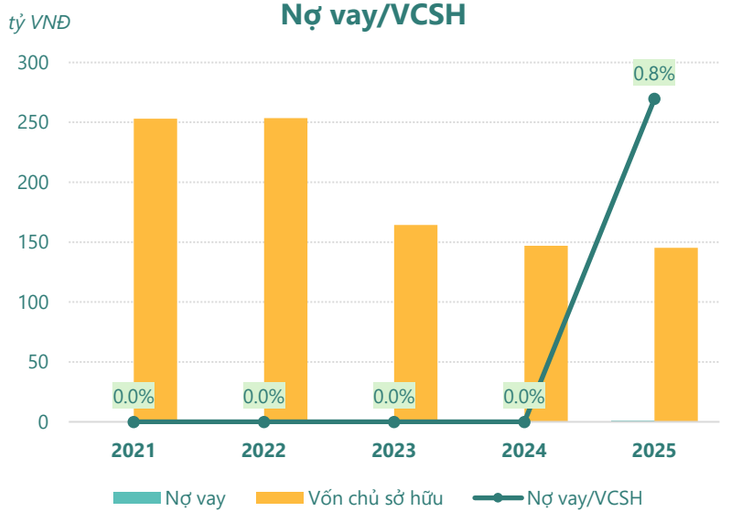
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

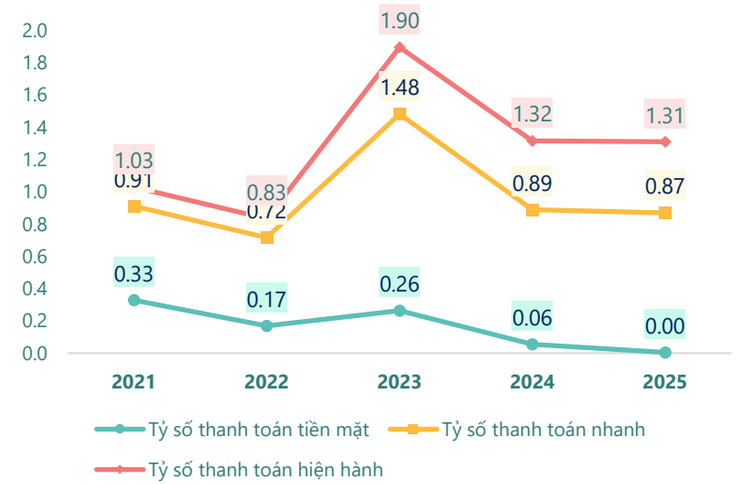
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



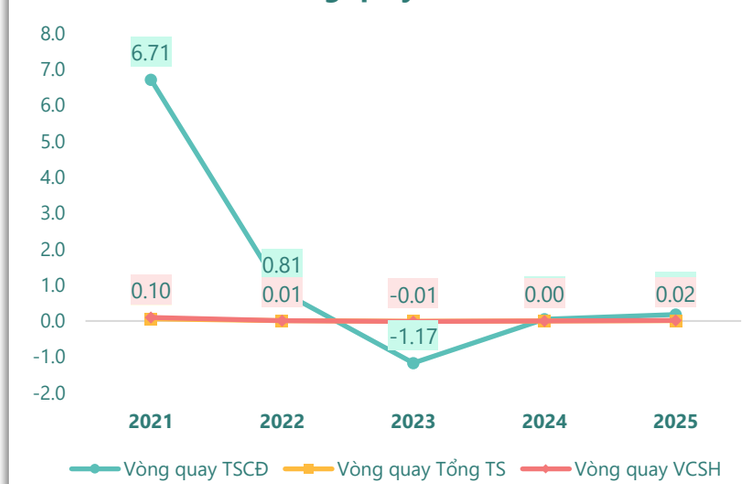
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



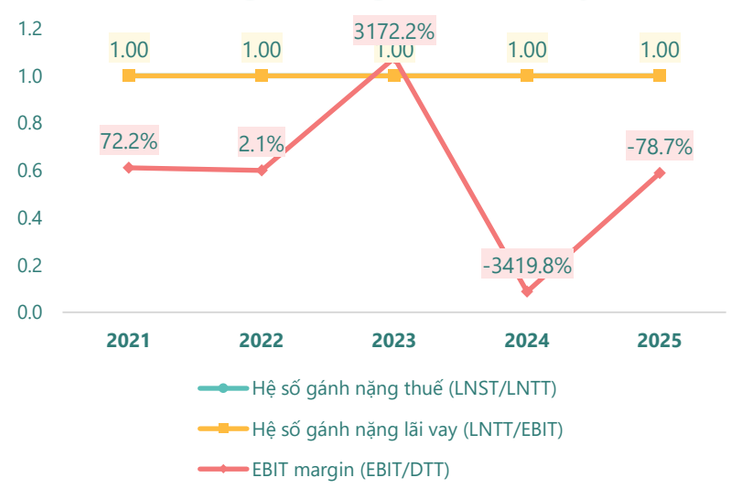
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



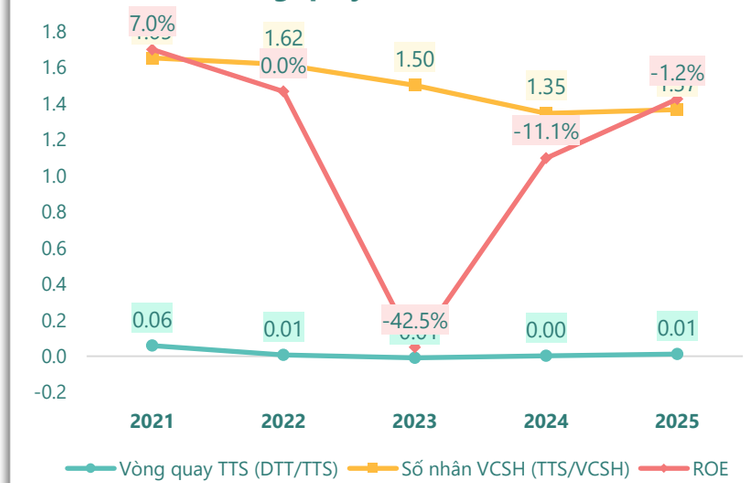
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



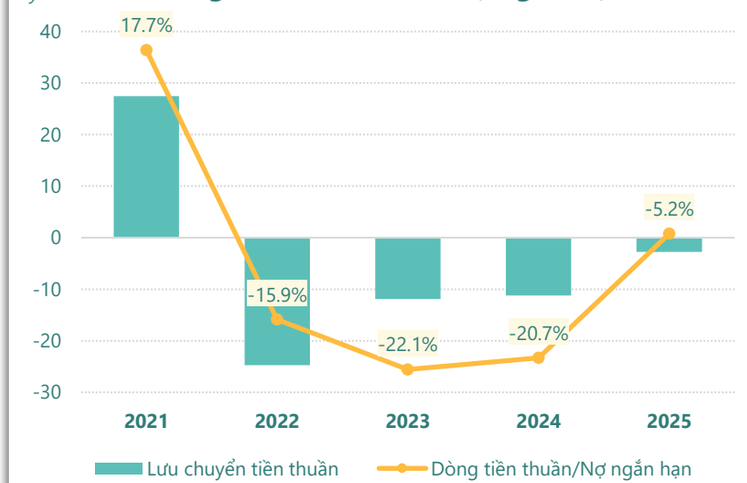
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2.05**	**0.02**	**10172%**	**2.29**	**0.50**	**355%**
Giá vốn hàng bán	1.96	0.00		2.26	0.34	560%
Lợi nhuận gộp	0.09	0.02	363%	0.03	0.16	-82.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.28	-99.6%
Chi phí TC	0.02	0.31	-94.9%	0.04	0.31	-85.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.49**	**1.55**	**-3.7%**	**4.17**	**17.3**	**-75.8%**
LN thuần từ HĐKD	-1.42	-1.84	23.1%	-4.19	-17.1	75.6%
Lợi nhuận khác	**1.80**	**0.00**		**2.38**	**-0.07**	**3398%**
LN trước thuế	0.38	-1.85	121%	-1.80	-17.2	89.5%
Lợi nhuận sau thuế	**0.38**	**-1.85**	**121%**	**-1.80**	**-17.2**	**89.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.38**	**-1.85**	**121%**	**-1.80**	**-17.2**	**89.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.90	9.49	-1.22	-0.73	-2.49	1.16
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	-7.87	0.00	-0.66	-0.66	0.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0.30	0.88
Tiền đầu kỳ	2.24	1.38	3.00	1.78	3.00	0.16
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.86**	**1.62**	**-1.22**	**-1.39**	**-2.84**	**2.70**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.38	3.00	1.78	0.39	0.16	0.24

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**198**	**201**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	69.3	71.2	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	0.24	3.00	-92.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.36	-100%
Phải thu ngắn hạn	25.1	24.3	3.4%
Hàng tồn kho	23.3	23.0	1.2%
Tài sản ngắn hạn khác	20.7	20.5	1.0%
Tài sản dài hạn	**129**	**130**	**-0.8%**
Phải thu dài hạn	26.1	26.7	-2.2%
Tài sản cố định	7.75	18.0	-57.0%
Bất động sản đầu tư	39.4	29.5	33.8%
Tài sản dở dang	42.3	42.2	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.7	12.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.75**	**0.88**	**-14.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.0	54.1	-1.9%
Nợ ngắn hạn	**52.9**	**54.0**	**-2.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.18	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.0	18.0	-5.2%
Nợ dài hạn	0.10	0.00	10532%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**145**	**147**	**-1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**145**	**147**	**-1.2%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)